

LỊCH THỰC HÀNH KHOA CƠ KHÍ

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2018-2019 (Tuần từ 22/4 đến 28/4/2019)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Môn	HK	Tuần	SL SV	N	Giáo viên dạy	Ngày thực hiện	BM	Ngày học/Ca học - Phòng học														Ghi chú	
												Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
												Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐH	12	CN MAY1	NL-CTM	2	36	25	N3	N.H.TIẾN	22-28/04	CƠ	Ca1	T1A9														
2	ĐH	12	CN MAY1	NL-CTM	2	36	25	N1	N.H.TIẾN	22-28/04	CƠ	Ca2	T1A9														
3	ĐH	12	CN MAY1	NL-CTM	2	36	25	N2	N.H.TIẾN	22-28/04	CƠ					Ca1	T1A9										
4	ĐH	12	CN MAY1	NL-CTM	2	36	25	N3	N.H.TIẾN	22-28/04	CƠ					Ca2	T1A9										
5	ĐH	12	CN MAY1	NL-CTM	2	36	25	N1,2	N.H.TIẾN	22-28/04	CƠ									Ca2	T1A9						
6	ĐH	12	CN MAY3	NL-CTM	2	36	25	N1,2	N.T.LINH	22-28/04	CƠ			Ca1	T1A9												
7	CĐ	18	201820104146004	RBCN	2	36	36	N1	L.V.HẢI	22-28/04	CĐT			Ca1	CĐT3			Ca1	CĐT3								
8	CĐ	18	201820104146004	RBCN	2	36	36	N2	L.V.HẢI	22-28/04	CĐT			Ca2	CĐT3			Ca2	CĐT3								
9	CĐ	18	201820104142007	HTTĐTK	2	36	36	N1	L.V.HẢI	22-28/04	CĐT			Ca3	CĐT2												
10	CĐ	18	201820104142007	HTTĐTK	2	36	36	N1	L.V.HẢI	22-28/04	CĐT										Ca1	CĐT2					
11	CĐ	18	201820104147001	KT TĐH	2	36	37	N1	V.T.ANH	22-28/04	CĐT	Ca3	CĐT2			Ca3	CĐT2										
12	CĐ	20	CK3	TH VKT	2	36	27	N1	C.MAI	22-28/04	HH-VKT			Ca1	T2A10												
13	CĐ	20	CK3	TH VKT	2	36	25	N2	C.MAI	22-28/04	HH-VKT			Ca2	T2A10												
14	CĐ	20	CK3	TH VKT	2	36	28	N3	C.MAI	22-28/04	HH-VKT					Ca1	T2A10										
15	CĐ	20	CK4	TH VKT	2	36	26	N1	C.MAI	22-28/04	HH-VKT					Ca2	T2A10										
16	CĐ	20	CK4	TH VKT	2	36	28	N2	C.MAI	22-28/04	HH-VKT							Ca1	T2A10								
17	CĐ	20	CK4	TH VKT	2	36	27	N3	C.MAI	22-28/04	HH-VKT							Ca2	T2A10								
18	CĐ	20	CTM2	TH VKT	2	36	25	N1	T. SƠN	22-28/04	HH-VKT	Ca1	T2A10														
19	CĐ	20	CTM2	TH VKT	2	36	28	N2	T. SƠN	22-28/04	HH-VKT	Ca2	T2A10														
20	CĐ	20	CTM2	TH VKT	2	36	26	N3	T. SƠN	22-28/04	HH-VKT									Ca1	T2A10						
21	ĐH	11	201820103104002	THCADCAM	2	36	35	N1	Đ.N. HOÀNH	22-28/04	CN	CA1	P.CAD2														
22	ĐH	11	201820103104002	THCADCAM	2	36	30	N2	N.V.CẢNH	22-28/04	CN	CA1	P.TKN														
23	ĐH	11	201820103104002	THCADCAM	2	36	20	N3	N.MAI.ANH	22-28/04	CN	CA1	P.CAD3														
24	ĐH	10	201820103161001	THTKK	2	36	40	N3	Đ.N. HOÀNH	22-28/04	17	CA2	P.CAD3	CA2	P.CAD1												
25	ĐH	10	201820103161001	THTKK	2	36	30	N1	N.N.TÙNG	22-28/04	CN	CA2	P.CAD2	CA2	P.CAD2												
26	CĐ	18	201820104104004	THCADCAM	2	36	33	N1	T.V.LONG	22-28/04	CN									CA3	P.CAD1	CA3	P.CAD2				
27	CĐ	18	201820104107001	TH CNC	2	36	34	N1	V.Đ.TOÀN	22-28/04	CN	CA2	TH CNC			CA1	TH CNC			CA1	TH CNC						
28	CĐ	18	201820104107001	TH CNC	2	36	34	N2	N.V.ĐỨC	22-28/04	CN	CA2	TH CNC			CA1	TH CNC			CA1	TH CNC						
29	CĐ	20	20182ME5016003	CAD	2	36	32	N1	N.M.QUANG	22-28/04	TB					Ca2	P.CAD2										
30	CĐ	20	20182ME5016004	CAD	2	36	33	N1	Đ.V.TRƯỜNG	22-28/04	TB					Ca1	P.CAD2										
31	CĐ	20	20182ME5016001	CAD	2	36	30	N2	N.T.TÙNG	22-28/04	TB	Ca3	P.CAD1														
32	CĐ	18	104102	CAD	2	36	20	N1	N.T.TÙNG	22-28/04	TB					Ca1	P.CAD3	Ca2	P.CAD3	Ca1	P.CAD3						
33	CĐ	18	104102	CAD	2	36	20	N2	N.T.TÙNG	22-28/04	TB					Ca2	P.CAD3			Ca2	P.CAD3	Ca3	P.CAD3				
34	CĐ	18	201820104129011	DS & KT Đo	2	36	33	N2	N.Đ.MINH	22-28/04	TB					Ca1	P.DS				P.DS						
35	CĐ	18	104175	VLH	2	36	9	N1	N.T.TÙNG	22-28/04	TB											ca1	P.VLH1	ca1	P.VLH1		
36	ĐH	13	20182ME6041003	Vật liệu học	2	36	37	N2	P.V.LIỆU	22-28/04	TB					Ca2	P. VLH2										
37	ĐH	13	20182ME6041004	Vật liệu học	2	36	38	N2	P.V.LIỆU	22-28/04	TB					Ca1	P. VLH2										
38	ĐH	13	20182ME6041005	Vật liệu học	2	36	37	N2	Đ.N.TÚ	22-28/04	TB									Ca2	P. VLH2						
39	ĐH	13	20182ME6041006	Vật liệu học	2	36	38	N2	Đ.N.TÚ	22-28/04	TB									Ca1	P. VLH2						
40	ĐH	13	20182ME6041007	Vật liệu học	2	36	33	N1	N.T.LÝ	22-28/04	TB							Ca1	P. VLH2								
41	ĐH	13	20182ME6041007	Vật liệu học	2	36	33	N2	N.T.LÝ	22-28/04	TB							Ca2	P. VLH2								
42	CĐ	18	201820104150006	Máy cắt	2	36	10	N1	N.T.LÝ	22-28/04	TB											Ca1	P.MC				
43	CĐ	20	20182ME5034001	CAD - 2D	2	36	29	N1	N.A. THẮNG	22-28/04	TTVN	Ca1	CAD_CAM	Ca1	CAD_CAM	Ca1	CAD_CAM	Ca1	CAD_CAM	Ca1	CAD_CAM	Ca1	CAD_CAM				Tầng2-A7
44	CĐ	20	20182ME5034001	CAD - 2D	2	36	29	N1	N.A. THẮNG	22-28/04	TTVN	Ca3	CAD_CAM	Ca3	CAD_CAM	Ca2	CAD_CAM	Ca3	CAD_CAM	Ca2	CAD_CAM	Ca2	CAD_CAM				Tầng2-A7
45	CĐ	20	20182ME5034007	CAD-2D	2	36	22	N2	K.V.QUẢNG	22-28/04	TTVN							Ca1	P.3D CAD	Ca1	P.3D CAD						Tầng2-A7
46	CĐ	20	20182ME5034007	CAD-2D	2	36	23	N1	K.V.QUẢNG	22-28/04	TTVN							Ca2	P.3D CAD	Ca2	P.3D CAD						Tầng2-A7

47	CĐ	20	20182ME5034002	CAD-2D	2	36	28	N1	B.T.TÀI	22-28/04	TB	Ca1	P.CAD1			Ca1	P.CAD1	Ca1	P.CAD1	Ca1	P.CAD1					
48	CĐ	20	20182ME5034002	CAD-2D	2	36	28	N2	B.T.TÀI	22-28/04	TB	Ca2	P.CAD1			Ca2	P.CAD1	Ca2	P.CAD1	Ca2	P.CAD1					

* Ghi chú:

Các lớp đại học và cao đẳng khóa 18:

- Ca 1 từ 7h đến 11h30'
- Ca 2 từ 12h30' đến 17h0'
- Ca 3 từ 17h30' đến 21h45'

Các lớp cao đẳng khóa 19, 20:

- Ca 1 từ 7h đến 12h0'
- Ca 2 từ 12h30' đến 17h30'
- Ca 3 từ 17h30' đến 21h45'